UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN
Vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lạng Sơn

(Kèm theo Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 20/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức; Thông tư số 06/2023/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Việc xây dựng vị trí việc làm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhằm xác định số lượng biên chế gắn với từng vị trí việc làm đối với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, làm cơ sở để cấp có thẩm quyền bổ sung nguồn nhân lực, bố trí biên chế cần thiết, phù hợp với cơ cấu tổ chức, bộ máy của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao. Trên cơ sở đó thực hiện công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng công chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn đảm đương công việc phù hợp với vị trí việc làm, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ công chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Luật Cán bộ công chức năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ công chức và Luật Viên chức năm 2019.

2. Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức.

3. Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

4. Thông tư số 30/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

5. Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự ngiệp công lập;

6. Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức.

7. Thông tư số 06/2023/TT-BNNPTNT ngày 12/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

8. Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lạng Sơn.

9. Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 07/06/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

III. THỐNG KÊ VÀ PHÂN NHÓM CÔNG VIỆC THEO CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TÍNH CHẤT, MỨC ĐỘ PHỨC TẠP

TT	Nhóm vị trí việc làm	Thống kê công việc
1	Lãnh đạo, quản lý	1. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh: a) Ban hành các quyết định thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án và chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về ngành, lĩnh vực nông nghiệp và PTNT trên địa bàn tỉnh; Thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo ngành, lĩnh vực nông nghiệp và PTNT và theo phân cấp của cơ quan nhà nước cấp trên; b) Ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn theo ngành, lĩnh vực nông nghiệp và PTNT đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo quy định của Đảng, của pháp luật và chỉ đạo của cơ quan Nhà nước cấp trên. 2. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở: a) Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án, chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra, thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao. b) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực nông nghiệp và PTNT đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý. Tham mưu, giúp Ủy

TT	Nhóm vị trí việc làm	Thống kê công việc
		ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực nông nghiệp và PTNT đối với tổ chức của các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương khác đặt trụ sở trên địa bàn. c) Thực hiện hợp tác quốc tế về lĩnh vực nông nghiệp và PTNTtheo quy định của pháp luật; d) Tổng hợp, thống kê, sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện đối với ngành, lĩnh vực được giao quản lý. Thực hiện việc thông tin, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT và cơ quan có thẩm quyền về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.
2	Nghiệp vụ chuyên ngành	Tham mưu, giúp Giám đốc Sở thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: nông nghiệp; lâm nghiệp; thủy sản; thủy lợi và nước sạch nông thôn; phòng, chống thiên tai; phát triển nông thôn; chất lượng, chế biến và phát triển thị trường; các dịch vụ công thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật.
3	Nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	Tham mưu, giúp Giám đốc Sở chỉ đạo, điều hành trong công tác: Kế hoạch, tổng hợp; tài chính, kế toán; hành chính quản trị; tổ chức cán bộ; thi đua, khen thưởng; quân sự, dân quân, tự vệ; phòng cháy, chữa cháy; an ninh, trật tự nội bộ; cải cách hành chính; ứng dụng công nghệ thông tin, quản trị mạng, quản trị Website; thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành, công tác kiểm tra; giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và xử lý theo thẩm quyền hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý các vi phạm trong lĩnh vực nội vụ; công tác phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

IV. XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM

A. Vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý: 18 vị trí

1. Vị trí việc làm: Giám đốc Sở;
2. Vị trí việc làm: Phó Giám đốc Sở;
3. Vị trí việc làm: Chánh Văn phòng Sở;
4. Vị trí việc làm: Trưởng phòng thuộc Sở;
5. Vị trí việc làm: Chánh Thanh tra Sở;
6. Vị trí việc làm: Phó Chánh Văn phòng Sở;
7. Vị trí việc làm: Phó Trưởng phòng thuộc Sở;
8. Vị trí việc làm: Phó Chánh Thanh tra Sở;

9. Vị trí việc làm: Chi cục trưởng thuộc Sở;

10. Vị trí việc làm: Phó Chi cục trưởng thuộc Sở;

11. Vị trí việc làm: Trưởng phòng thuộc Chi cục;

12. Vị trí việc làm: Đội trưởng thuộc Chi cục;

13. Vị trí việc làm: Hạt trưởng thuộc Chi cục;

14. Vị trí việc làm: Trạm trưởng thuộc Chi cục;

15. Vị trí việc làm: Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục;

16. Vị trí việc làm: Phó Đội trưởng thuộc Chi cục;

17. Vị trí việc làm: Phó Hạt trưởng thuộc Chi cục;

18. Vị trí việc làm: Phó Trạm trưởng thuộc Chi cục.

B. Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành: 27 vị trí

1. Vị trí việc làm: Chuyên viên chính về quản lý trồng trọt;

2. Vị trí việc làm: Chuyên viên về quản lý trồng trọt;

3. Vị trí việc làm: Chuyên viên chính về bảo vệ thực vật;

4. Vị trí việc làm: Chuyên viên về bảo vệ thực vật;

5. Vị trí việc làm: Kiểm dịch viên thực vật;

6. Vị trí việc làm: Chuyên viên chính về quản lý chăn nuôi;

7. Vị trí việc làm: Chuyên viên về quản lý chăn nuôi;

8. Vị trí việc làm: Chuyên viên chính về quản lý thú y;

9. Vị trí việc làm: Chuyên viên về quản lý thú y;

10. Vị trí việc làm: Kiểm dịch viên chính động vật;

11. Vị trí việc làm: Kiểm dịch viên động vật;

12. Vị trí việc làm: Chuyên viên chính về quản lý lâm nghiệp;

13. Vị trí việc làm: Chuyên viên về quản lý lâm nghiệp;

14. Vị trí việc làm: Kiểm lâm viên chính;

15. Vị trí việc làm: Kiểm lâm viên;

16. Vị trí việc làm: Kiểm lâm viên trung cấp;

17. Vị trí việc làm: Chuyên viên về quản lý thủy sản;

18. Vị trí việc làm: Chuyên viên chính về quản lý thủy lợi và nước sạch nông thôn;

19. Vị trí việc làm: Chuyên viên về quản lý thủy lợi và nước sạch nông thôn;

20. Vị trí việc làm: Chuyên viên chính về phòng, chống thiên tai;

21. Vị trí việc làm: Chuyên viên về phòng, chống thiên tai;

22. Vị trí việc làm: Chuyên viên chính về quản lý chất lượng, chế biến và phát triển thị trường;

23. Vị trí việc làm: Chuyên viên về quản lý chất lượng, chế biến và phát triển thị trường;

24. Vị trí việc làm: Chuyên viên chính về phát triển nông thôn;

25. Vị trí việc làm: Chuyên viên về phát triển nông thôn;

26. Vị trí việc làm: Chuyên viên chính về Quản lý công tác xây dựng các công trình chuyên ngành;

27. Vị trí việc làm: Chuyên viên về Quản lý công tác xây dựng các công trình chuyên ngành.

C. Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 23 vị trí.

1. Vị trí việc làm: Thanh tra viên chính về công tác thanh tra;

2. Vị trí việc làm: Thanh tra viên về công tác thanh tra;

3. Vị trí việc làm: Chuyên viên về công tác thanh tra;

4. Vị trí việc làm: Chuyên viên về pháp chế;

5. Vị trí việc làm: Chuyên viên về tổ chức bộ máy ;

6. Vị trí việc làm: Chuyên viên chính về quản lý nguồn nhân lực;

7. Vị trí việc làm: Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực;

8. Vị trí việc làm: Chuyên viên về thi đua, khen thưởng;

9. Vị trí việc làm: Chuyên viên chính về tổng hợp;

10. Vị trí việc làm: Chuyên viên về tổng hợp;

11. Vị trí việc làm: Chuyên viên về hành chính - văn phòng;

12. Vị trí việc làm: Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính;

13. Vị trí việc làm: Chuyên viên chính về kế hoạch đầu tư;

14. Vị trí việc làm: Chuyên viên về kế hoạch đầu tư;

15. Vị trí việc làm: Chuyên viên chính về tài chính;

16. Vị trí việc làm: Chuyên viên về tài chính;

17. Vị trí việc làm: Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán);

18. Vị trí việc làm: Kế toán viên;

19. Vị trí việc làm: Kế toán viên Trung cấp;

20. Vị trí việc làm: Văn thư viên;

21. Vị trí việc làm: Văn thư viên trung cấp;

22. Vị trí việc làm: Cán sự về lưu trữ;

23. Vị trí việc làm: Nhân viên thủ quỹ.

D. Vị trí việc làm thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ: 04 vị trí.

1. Vị trí Nhân viên kỹ thuật;

2. Vị trí Nhân viên Phục vụ;

3. Vị trí Nhân viên Bảo vệ;

4. Vị trí Nhân viên Lái xe.

(Có bản mô tả công việc, khung năng lực ngạch công chức đối với từng vị trí việc làm đính kèm Đề án)

V. TỔNG HỢP VỊ TRÍ VIỆC LÀM, CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC

1. Tổng cộng số lượng vị trí việc làm: 72 vị trí, trong đó:

1.1. Vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý: 18 vị trí

STT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
1	Giám đốc Sở	
2	Phó Giám đốc Sở	
3	Chánh Văn phòng Sở	
4	Trưởng phòng thuộc Sở	
5	Chánh Thanh tra Sở	
6	Phó Chánh Văn phòng Sở	
7	Phó Trưởng phòng thuộc Sở	
8	Phó Chánh Thanh tra Sở	
9	Chi cục trưởng thuộc Sở	
10	Phó Chi cục trưởng thuộc Sở	
11	Trưởng phòng thuộc Chi cục	
12	Đội trưởng thuộc Chi cục	
13	Hạt trưởng thuộc Chi cục	
14	Trạm trưởng thuộc Chi cục	
15	Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục	
16	Phó Đội trưởng thuộc Chi cục	
17	Phó Hạt trưởng thuộc Chi cục	
18	Phó Trạm trưởng thuộc Chi cục	

1.2. Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành: 27 vị trí

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức
1	Chuyên viên chính về quản lý trồng trọt	Chuyên viên chính
2	Chuyên viên về quản lý trồng trọt	Chuyên viên
3	Chuyên viên chính về bảo vệ thực vật	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên về bảo vệ thực vật	Chuyên viên
5	Kiểm dịch viên thực vật	Kiểm dịch viên thực vật
6	Chuyên viên chính về quản lý chăn nuôi	Chuyên viên chính
7	Chuyên viên về quản lý chăn nuôi	Chuyên viên
8	Chuyên viên chính về quản lý thú y	Chuyên viên chính
9	Chuyên viên về quản lý thú y	Chuyên viên
10	Kiểm dịch viên chính động vật	Kiểm dịch viên chính động vật
11	Kiểm dịch viên động vật	Kiểm dịch viên động vật
12	Chuyên viên chính về quản lý lâm nghiệp	Chuyên viên chính
13	Chuyên viên về quản lý lâm nghiệp	Chuyên viên
14	Kiểm lâm viên chính	Kiểm lâm viên chính
15	Kiểm lâm viên	Kiểm lâm viên
16	Kiểm lâm viên trung cấp	Kiểm lâm viên trung cấp
17	Chuyên viên về quản lý thủy sản	Chuyên viên
18	Chuyên viên chính về quản lý thủy lợi và nước sạch nông thôn	Chuyên viên chính
19	Chuyên viên về quản lý thủy lợi và nước sạch nông thôn	Chuyên viên
20	Chuyên viên chính về phòng, chống thiên tai	Chuyên viên chính
21	Chuyên viên về phòng, chống thiên tai	Chuyên viên
22	Chuyên viên chính về quản lý chất lượng, chế biến và phát triển thị trường	Chuyên viên chính

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức
23	Chuyên viên về quản lý chất lượng, chế biến và phát triển thị trường	Chuyên viên
24	Chuyên viên chính về phát triển nông thôn	Chuyên viên chính
25	Chuyên viên về phát triển nông thôn	Chuyên viên
26	Chuyên viên chính về Quản lý công tác xây dựng các công trình chuyên ngành	Chuyên viên chính
27	Chuyên viên về Quản lý công tác xây dựng các công trình chuyên ngành	Chuyên viên

1.3. Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 23 vị trí

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức
1	Thanh tra viên chính về công tác thanh tra	Thanh tra viên chính
2	Thanh tra viên về công tác thanh tra	Thanh tra viên
3	Chuyên viên về công tác thanh tra	Chuyên viên
4	Chuyên viên về pháp chế	Chuyên viên
5	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên
6	Chuyên viên chính về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên chính
7	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên
8	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên
9	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính
10	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên
11	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên
12	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính	Chuyên viên
13	Chuyên viên chính về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên chính
14	Chuyên viên về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức
1	Thanh tra viên chính về công tác thanh tra	Thanh tra viên chính
2	Thanh tra viên về công tác thanh tra	Thanh tra viên
3	Chuyên viên về công tác thanh tra	Chuyên viên
15	Chuyên viên chính về tài chính	Chuyên viên chính
16	Chuyên viên về tài chính	Chuyên viên
17	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	Kế toán viên
18	Kế toán viên	Kế toán viên
19	Kế toán viên Trung cấp	Kế toán viên Trung cấp
20	Văn thư viên	Văn thư viên
21	Văn thư viên trung cấp	Văn thư viên trung cấp
22	Cán sự về lưu trữ	Cán sự
23	Nhân viên thủ quỹ	Nhân viên

2. Cơ cấu ngạch công chức

Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức[1]; Công văn số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ về xác định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; trên cơ sở số lượng biên chế công chức được cấp có thẩm quyền giao, xác định cơ cấu ngạch công chức nghiệp vụ chuyên ngành và công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, như sau:

2.1. Tỷ lệ ngạch chuyên viên chính và tương đương: 39,7%.

2.2. Tỷ lệ ngạch chuyên viên và tương đương trở xuống: 60,3%.

---

[1] Đối với nhóm lãnh đạo không xác định cơ cấu ngạch công chức theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.